



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CN747 Series
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP Scitex PT20
Công dụng đề nghị	In phun
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Danh Tính Công Ty	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh (Sài Gòn) Việt Nam Điện Thoại +84437245550 HP Inc. health effect line (Toll-free within US) 1-800-457-4209 (Direct) 1-760-710-0048 HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US) 1-800-474-6836 (Direct) 1-208-323-2551 Email: hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Không được phân loại.
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần của nhãn	
Ký hiệu hiểm họa	Không có.
Từ cảnh báo	Không có.
Công bố hiểm họa	Không có.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Không có.
Ứng phó	Không có.
Bảo Quản	Không có.
Thải bỏ	Không có.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Các đường phơi nhiễm tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt, nuốt vào và hít vào.
Thông tin thêm	Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Nước		7732-18-5	80-90
2-Amino-2-metyl-1-propanol		124-68-5	<7.5
CANXI ACETAT		62-54-4	<7.5
Methyl (S)-(-)-lactate		27871-49-4	<2.5

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với mắt	Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước. Sau khi rửa ban đầu, tháo bỏ kính áp tròng và tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Ăn phải	Nếu nuốt phải vật liệu, nhận chăm sóc hoặc tư vấn y tế ngay lập tức – Không gây nôn.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Không có.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	CO2, nước, hóa chất khô hoặc bột
Chất chữa cháy không phù hợp	Không có.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Không áp dụng.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Không có.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Pha loãng bằng nước.
Các biện pháp để phòng cho môi trường	Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Không hít khí gas/khói/hơi/bụi hơi. Trong trường hợp không đủ thông thoáng, sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp. Rửa kỹ sau khi thao tác.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Để ở nơi mát và thông khí tốt. Lưu trữ trong thùng chứa kín ở xa các vật liệu không tương thích.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp	Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm	Vẫn chưa thiết lập giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm này.
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Cung cấp hệ thống thông hơi khí xả tại chỗ thích hợp để duy trì mức độ phơi nhiễm của người làm dưới mức giới hạn phơi nhiễm.
Thiết bị bảo hộ cá nhân	
Tổng quát	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại.
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân	
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe).
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Găng tay.
Khác	Mặc trang phục bảo hộ thích hợp.
Bảo vệ đường hô hấp	Không có.
Các hiểm họa nhiệt	Không có.
Các lưu ý vệ sinh chung	Để xa đồ ăn thức uống.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan	
Trạng thái vật lý	Không có.
Dạng	Không có.
Màu	Trong.
Mùi	Không có.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có.
pH	Không có.
Điểm chảy/điểm đông	Không có.
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	Không có.

Nhiệt Độ Bốc Cháy	> 100.0 °C (> 212.0 °F) Cốc Kín
Tốc độ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn cháy - dưới (%)	Không có.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có.
Áp suất hơi	Không có.
Tỷ khối hơi	Không có.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không có.
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có.
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.
Thông tin khác	
VOC (Trọng lượng %)	< 65 g/l

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Chưa được biết.
Các vật liệu tương kỵ	Không có.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Không có.

11. Thông tin về độc tính

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Không có.
---	-----------

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
--------------------------	--

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
CANXI ACETAT (CAS 62-54-4)		
Cấp tính		
<i>Khác</i>		
LD50	Chuột	52 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
---------------------------	--

Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
--	--

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
---------------------------------	--

Gây mẫn cảm da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
-----------------------	--

Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
---	--

Khả năng gây ung thư	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
-----------------------------	--

Độc tích sinh sản	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
--------------------------	--

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
--	--

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Hiểm họa hít phải	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Thông tin khác	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái	Không có dữ liệu độc sinh thái nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có.
Di chuyển trong đất	Không có.
Các tác dụng có hại khác	Không có.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.
------------------------------	--

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
IATA	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
IMDG	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
ADR	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Thông tin khác

Các điều khoản cụ thể: Quy định (EC) No 1907/2006 của Quốc hội Châu Âu và của Hội đồng về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH), thành lập một Cơ quan Hóa chất Châu Âu, sửa đổi Chỉ thị 1999/45/EC và hủy bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) No 793/93 và Quy định của Ủy ban (EC) No 1488/94 cũng như Chỉ thị của Hội đồng 76/769/EEC và các Chỉ thị của Ủy ban 91/155/EEC, 93/67/EEC, 93/105/EC và 2000/21/EC (trong phiên bản sửa đổi OJ L 396 từ 29.05.2007 trang 3 với các chỉnh sửa và sửa đổi tiếp theo).

Thông tin về quy định

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	19-Tháng-Tám-2016
Phiên bản số	01
Khước Từ Trách Nhiệm	Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.
Thông Tin Sửa Đổi	Lai Lịch Sản Phẩm và Công Ty: Từ Đồng Nghĩa Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Thông Tin Công Bố Ưu Tiên Hơn Tính Chất Lý & Hóa: Đa Tính Chất 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN: Material Transportation Information Dữ liệu HazReg: Vành đai Thái Bình Dương GHS: Phân Loại

Thông tin nhà sản xuất

HP Inc.
1501 Page Mill Road
Palo Alto, CA 94304-1112 US
(Direct) +972 (9) 892-4628